

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố thủ tục hành chính nội bộ của các  
cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực Tư pháp  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ  
tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính  
nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 3973/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2022 của  
Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành  
chính nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Định giai đoạn  
2022 - 2025;

Căn cứ Công văn số 5990/VPCP-KSTT ngày 22 tháng 8 năm 2024 của  
Văn phòng Chính phủ về việc công bố, rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành  
chính nội bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 114/TTr-STP  
ngày 30 tháng 9 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Danh mục 04 thủ tục hành chính nội bộ của các cơ quan  
hành chính nhà nước trong lĩnh vực Tư pháp thuộc phạm vi chức năng quản lý  
của Sở Tư pháp (có Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp,  
Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện,  
thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách  
nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- TT TH-CB, P.HC-TC, TTPVHCC;
- Lưu: VT, K11, KSTT<sup>(C)</sup>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lâm Hải Giang**

**Phụ lục**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CỦA CÁC CƠ QUAN**  
**HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC TƯ PHÁP**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP**  
(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024  
của Chủ tịch UBND tỉnh)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA**  
**CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC**

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
<b>DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC CẤP TỈNH</b>		
1.	Quyết định danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.	Sở Tư pháp
2.	Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, xử lý văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật theo thẩm quyền (Cấp tỉnh)	Sở Tư pháp
3.	Hệ thống hóa, công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của HĐND, UBND cấp tỉnh	Sở Tư pháp
4.	Cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.	Sở Tư pháp

**PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Quyết định danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.**

**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Trên cơ sở Thông báo của Bộ Tư pháp về danh mục các nội dung giao cho địa phương quy định chi tiết tại các Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan.

- **Bước 2:** Các cơ quan thuộc UBND tỉnh gửi danh mục văn bản giao quy định chi tiết đến Sở Tư pháp để tổng hợp.

- **Bước 3:** Sở Tư pháp lập và trình Chủ tịch UBND tỉnh danh mục quyết định của UBND cấp tỉnh quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.

- **Bước 4:** Chủ tịch UBND tỉnh ban hành danh mục quyết định của UBND tỉnh quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh (iDesk)

**c) Thành phần hồ sơ:** 01 bộ

- Văn bản đề xuất của cơ quan có liên quan đến nội dung được giao quy định chi tiết tại các Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.

- Văn bản của Sở Tư pháp trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành danh mục quyết định của UBND tỉnh quy định chi tiết (kèm theo Quyết định, Danh mục).

**d) Thời hạn giải quyết:** không quy định

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp, các sở, ban, ngành.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tư pháp.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, Văn phòng UBND tỉnh.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định ban hành Danh mục văn bản quy định chi tiết.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** thực hiện theo đúng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 28 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định 154/2020/NĐ-CP.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015.

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.

- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

## **2. Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, xử lý văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật theo thẩm quyền (Cấp tỉnh)**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Sở Tư pháp tiếp nhận văn bản (*ngợi quyết/quyết định*) quy phạm pháp luật do HĐND, UBND cấp huyện gửi đến.

- **Bước 2:** Sở Tư pháp thực hiện kiểm tra; báo cáo kết quả kiểm tra và đề xuất xử lý đối với văn bản có dấu trái pháp luật (*nếu có*).

- **Bước 3:** Kết luận kiểm tra đối với văn bản trái pháp luật (*nếu có*).

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh (iDesk)

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:** Văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp huyện.

**d) Thời hạn giải quyết:** không quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp, HĐND, UBND cấp huyện.

### **e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền kết luận văn bản trái pháp luật: Sở Tư pháp. Trường hợp văn bản được kiểm tra có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, địa bàn, đơn vị kiểm tra cần bảo lưu ý kiến thì Sở Tư pháp trình Chủ tịch UBND tỉnh kết luận.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp: Ban pháp chế HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh và cơ quan, tổ chức có liên quan.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Kết luận kiểm tra văn bản trái pháp luật (*nếu có*).

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không quy định.

### **l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015.
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.
- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.
- Quyết định số 78/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức, quản lý công tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

### **3. Hệ thống hóa, công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của HĐND, UBND cấp tỉnh**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Định kỳ 05 năm một lần, Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.
- **Bước 2.** Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ được giao tiến hành hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực do đơn vị mình tham mưu ban hành và báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật cho Sở Tư pháp.
- **Bước 3:** Sở Tư pháp tiếp nhận báo cáo của các đơn vị, thực hiện kiểm tra lại và tổng hợp kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của HĐND, UBND cấp tỉnh; trình Chủ tịch UBND tỉnh dự thảo Quyết định công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của HĐND, UBND cấp tỉnh.
- **Bước 4:** Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của HĐND, UBND cấp tỉnh.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh (iDesk)

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của HĐND, UBND cấp tỉnh, của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;

+ Danh mục văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của HĐND, UBND tỉnh trong kỳ hệ thống hóa;

+ Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của HĐND, UBND tỉnh trong kỳ hệ thống hóa;

+ Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của HĐND, UBND tỉnh trong kỳ hệ thống hóa;

+ Danh mục văn bản quy phạm pháp luật cần đình chỉ việc thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của HĐND, UBND tỉnh trong kỳ hệ thống hóa.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** Trước ngày 01 tháng 03 của năm sau kỳ hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tư pháp.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: Ban pháp chế HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh và cơ quan, tổ chức có liên quan.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của HĐND, UBND cấp tỉnh.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ (Mẫu số 03 Phụ lục IV Nghị định số 34/2016/NĐ-CP).

- Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần (Mẫu số 04 Phụ lục IV Nghị định số 34/2016/NĐ-CP).

- Danh mục văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực (Mẫu số 05 Phụ lục IV Nghị định số 34/2016/NĐ-CP).

- Danh mục văn bản quy phạm pháp luật cần đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới (Mẫu số 06 Phụ lục IV Nghị định số 34/2016/NĐ-CP).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015.
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.
- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.
- Quyết định số 78/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức, quản lý cộng tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

1. Danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần trong kỳ hệ thống hóa (Mẫu số 03 và Mẫu số 04 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP), cụ thể:

**Mẫu số 03**  
**DANH MỤC**

**Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ....<sup>[1]</sup>.... trong kỳ hệ thống hóa.....**

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
<b>I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ</b>					
1.					
2.					
<b>Tổng số: ... văn bản</b>					
<b>II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ</b>					
1.					
2.					
<b>Tổng số: ... văn bản</b>					

<sup>1</sup> Tên cơ quan hệ thống hóa văn bản.

**Mẫu số 04**  
**DANH MỤC**

**Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ....<sup>[1]</sup>.... trong kỳ hệ thống hóa.....**

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
<b>I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN</b>					
1.					
2.					
<b>Tổng số: ... văn bản</b>					
<b>II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN</b>					
1.					
2.					
<b>Tổng số: ... văn bản</b>					

<sup>1</sup> Tên cơ quan hệ thống hóa văn bản.



2. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực trong kỳ hệ thống hóa theo Mẫu số 05 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Cụ thể:

**Mẫu số 05**  
**DANH MỤC**

**Văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ....<sup>[1]</sup>.... trong kỳ hệ thống hóa.....**

<b>STT</b>	<b>Tên loại văn bản</b>	<b>Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản</b>	<b>Tên gọi của văn bản</b>	<b>Thời điểm có hiệu lực</b>	<b>Ghi chú<sup>3</sup></b>
<b>I. LĨNH VỰC ...</b>					
1.					
2.					
...					
<b>II. LĨNH VỰC ...</b>					
1.					
2.					
...					
<b>Tổng số: ... văn bản</b>					

---

<sup>1</sup> Tên cơ quan rà soát, hệ thống hóa văn bản.

3. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật cần đình chỉ việc thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới trong kỳ hệ thống hóa theo Mẫu số 06 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP như sau:

**Mẫu số 06**  
**DANH MỤC**

**Văn bản quy phạm pháp luật cần đình chỉ việc thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ....<sup>[1]</sup>.... trong kỳ hệ thống hóa.....**

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản <sup>3</sup>	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
1.							
2.							
<b>Tổng số: ... văn bản</b>							

<sup>1</sup> Tên cơ quan rà soát, hệ thống hóa văn bản.

#### **4. Cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật**

##### **a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh gửi nghị quyết và quyết định đầy đủ, chính xác đến Sở Tư pháp.

- **Bước 2:** Sở Tư pháp thực hiện đăng tải văn bản trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh (iDesk)

##### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ: Quyết định, nghị quyết quy phạm pháp luật.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

##### **d) Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh gửi nghị quyết và quyết định đầy đủ, chính xác văn bản giấy hoặc văn bản điện tử có chữ ký số đến Sở Tư pháp.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ văn bản do Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh và Văn phòng UBND tỉnh cung cấp, Sở Tư pháp phải thực hiện việc cập nhật, đăng tải văn bản trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật. Trường hợp văn bản được ban hành để giải quyết các vấn đề phát sinh đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, cháy nổ, dịch bệnh, an ninh, trật tự và có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành thì Sở Tư pháp thực hiện đăng tải cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật trong vòng 02 ngày làm việc.

##### **e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tư pháp.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp: Văn phòng HĐND, UBND tỉnh và cơ quan, tổ chức có liên quan.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** nghị quyết và quyết định quy phạm pháp luật được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Thực hiện theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Điều 14, 15, 16, 17 Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm

2015 của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015.
  - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.
  - Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
  - Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của UBND tỉnh Ban hành Quy chế phối hợp trong việc cung cấp văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.
-